

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy; bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Đình Đ

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Trương Thị Hương L

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Đ và chị L (Anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Đình Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Hương L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/02/2009 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống do đó vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Trà M, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 23/7/2013. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu K ở với anh còn cháu M ở với chị L. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập chị Trương Thị Hương L để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Trịnh Đình Đ được ly hôn chị Trương Thị Hương L. Về con chung: Giao cháu Trịnh Trà M, sinh ngày 20/4/2009 cho chị Trương Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Trịnh Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Anh Trịnh Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Đình Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Trương Thị Hương L. Chị L cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị L vắng mặt không có lý do, nên tòa án

đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị L và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Chị L đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị L cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Trịnh Đình Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh Đ và chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh Đình Đ và chị Trương Thị Hương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Đ và chị L đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Điều đó chứng tỏ anh Đ và chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Đ được ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là cháu Trịnh Trà M, sinh ngày 20/4/2009 và cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 23/7/2013. Từ năm 2019 anh Đ và chị L sống ly thân, cháu M ở với chị L, cháu K ở với anh Đ. Nguyên vọng của cháu M muốn được ở với mẹ, còn cháu K muốn được ở với bố. Xét nguyện vọng của anh Đ muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đây là nguyện vọng chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh Đ giao cháu Trịnh Trà M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Minh K cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Đình Đ được ly hôn chị Trương Thị Hương L.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Trà M sinh ngày 20/4/2009 cho chị Trương Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Minh K, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Trịnh Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Anh Trịnh Đình Đ và chị Trương Thị Hương L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Đình Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007421 ngày 01/11/2021. Anh Trịnh Đình Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Trịnh Đình Đ và chị Trương Thị Hương L. Anh Đ, chị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

